TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/HS-ST
Ngày: 11 – 02– 2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng.

Bà Nguyễn Thị Khiêm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án tại điểm cầu trung tâm tại Trụ sở TAND khu vực 11 – Hải Phòng; Ông Phạm Văn H – Thư ký Tòa án tại điểm cầu thành phần Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Trác Dương - Kiểm sát viên tại điểm cầu trung tâm Trụ sở khu vực A, thành phố Hải Phòng và bà Nguyễn Thị Tố U - Kiểm sát viên tại điểm cầu thành phần tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng và điểm cầu thành phần tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 03/2026/TLST- HS ngày 23 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2026/QĐXXST- HS ngày 29 tháng 01 năm 2026, đối với bị cáo:

Nguyễn Trung D; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 08/4/2007; Căn cước công dân số 030207017xxx, cấp ngày 28/5/2021.Nơi cư trú: Thôn Q, xã G, thành phố Hải Phòng; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 và bà Đặng Thị H1, sinh năm 1983; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ hai; Vợ, con: Chưa có; Nhân thân, tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 11/02/2025, D bị Công an huyện G, tỉnh Hải Dương (cũ) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10 về hành vi Gây rối trật tự công cộng.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/12/2025 đến ngày 07/12/2025 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an thành phố H đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1984 và anh Phạm Văn M, sinh năm 1980; Đều ở địa chỉ; Thôn Q, xã G, thành phố Hải Phòng. (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976; (có mặt)

+ Bà Đặng Thị H1, sinh năm 1983; (vắng mặt).

Đều ở địa chỉ: Thôn Q, xã G, thành phố Hải Phòng.

- Người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1943; (vắng mặt).

+ Anh Phan Văn H2, sinh năm 1996; (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Kiều T1, sinh ngày 14/7/2010; Người giám hộ cho chị T1 là: Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1981. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trung D và gia đình bà Nguyễn Thị C và ông Phạm Văn M, sinh năm 1980, trú tại thôn Q, xã G, thành phố Hải Phòng là hàng xóm. D là lao động tự do, không có nghề nghiệp ổn định, D biết gia đình nhà bà C thường xuyên không có người ở nhà vào ban ngày nên đã nảy sinh trộm cắp tiền của gia đình bà C để chi tiêu cá nhân. Khoảng 15 giờ ngày 02/12/2025, D cầm theo người 01 chiếc búa đinh, chuôi bằng gỗ và 01 con dao rựa bằng kim loại tối màu, bị gẫy phần chuôi rồi trèo qua tường bao đi vào lối tường tiếp giáp giữa nhà D với nhà bà Nguyễn Thị M1, D đi theo khe tường giữa nhà bà M1 và nhà bà C đến lối khe tường giữa nhà bà C với nhà bà Lê Thị H3 (bà nội của D) đến cửa sổ phòng ngủ tầng một nhà của vợ chồng bà C. Tại đây, cửa sổ phòng ngủ mở hé. D thấy bên trong không có người. Khung cửa sổ dạng song gỗ hình trụ. D để lại những dụng cụ trên ở khu vực gần cửa sổ rồi quay lại theo đường cũ về nhà lấy thêm 01 lưỡi cưa bằng kim loại màu đen và tiếp tục quay lại vị trí cửa sổ nhà bà C. D dùng lưỡi cưa, cưa đứt 01 đoạn phía dưới song cửa sổ rồi rút phần song cửa này ra. Sau đó, D cầm chiếc búa và con dao ở tay trái rồi chui qua cửa sổ ở vị trí song cửa sổ vừa cắt để vào trong phòng. D kiểm tra thấy cửa ra vào phòng đóng. D ấn chốt khóa cửa từ phía trong. D đi đến khu vực để chiếc két sắt được kê ở góc nhà, gần cửa sổ, cạnh giường ngủ. D đứng đối diện két sắt, dùng hai tay bám vào hai bên cạnh trên của két rồi kéo rê lần lượt từng bên, di chuyển chiếc két sắt ra xa tường. D lấy chiếc áo len có sẵn trên giường đặt xuống khoảng trống sau lưng két rồi ngả chiếc két nằm ngửa xuống chiếc áo len dưới nền nhà. Sau đó, D đưa đầu lưỡi dao rựa vào khe cửa két rồi dùng búa đập vào sống dao để phá cửa két sắt. Khi đập được vài nhát thì 01 phần đầu lưỡi dao bị gãy. D tiếp tục dùng phần lưỡi dao còn lại đặt vào các vị trí khe xung quanh cánh cửa két để đập làm cửa két sắt bung ra. D lấy bên trong két sắt 01 túi nilon màu xanh đựng nhiều cọc tiền với nhiều mệnh giá khác nhau và nhặt thêm một số cọc tiền mệnh giá 10.000 đồng cho vào túi nilon rồi buộc miệng túi lại. Ngoài ra, trong két sắt còn nhiều tiền lẻ nhưng D không lấy. Sau đó, D cầm túi nilon tiền cùng búa, dao chui qua cửa sổ để ra ngoài. D cầm đoạn song gỗ đã cưa, lắp lại vị trí cũ, đóng cửa sổ lại, rồi đi theo lối cũ để về nhà. Trên đường đi về, D làm rơi lưỡi cưa tại khe tường giữa nhà bà C với nhà bà H3; làm rơi tổng số tiền 321.000 đồng tại khu vực khe tường nhà bà M1 và nhà bà C và khu vực cửa chuồng lợn nhà bà M1. Khi về đến nhà, D để con dao trong bếp; để chiếc búa trong thùng

đồ ở gần cửa nhà. Sau đó, D xé túi nilon đổ hết tiền trộm cắp được vào trong cốp xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh đen, BKS: 34K1-037xx, dựng ở sân nhà. Chiếc túi nilon màu xanh, D để trong bao tải ở chuồng lợn của gia đình.

Ngay sau đó, D điều khiển xe máy đến cửa hàng mua bán điện thoại của anh Phan Văn H2, ở Tổ dân phố T, phường T, thành phố Hải Phòng để mua 01 chiếc điện thoại IPHONE 15 PROMAX với giá 22.500.000đồng; 01 chiếc điện thoại IPHONE 12 PROMAX giá 10.300.000 đồng và 01 bộ sạc điện thoại trị giá 300.000đồng. D lấy 33.100.000đồng trong cốp xe trả cho anh H2. Sau đó, D đi đến nhà bạn gái là Nguyễn Kiều T1, sinh ngày 14/7/2010, trú tại: Thôn Q, xã G, thành phố Hải Phòng. Khi đứng chờ T1, D mở cốp xe máy, lấy 6.500.000đồng, cất vào trong người. Số tiền còn lại, D để trong túi đựng 02 chiếc điện thoại vừa mua được. Khi gặp T1, D đưa chiếc túi đựng 02 chiếc điện thoại cùng tiền để nhờ T1 giữ hộ. T1 hỏi tiền và điện thoại ở đâu. D nói mẹ cho tiền mua để chuẩn bị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Tối ngày 02/12/2025 và ngày 03/12/2025, D trả nợ cho anh Nguyễn Biên C1, là bạn của D, số tiền 500.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết số tiền 6.000.000đồng còn lại.

Ngày 03/12/2025, bà C có đơn trình báo sự việc đến Công an xã G. Sau đó, D biết lực lượng Công an đang tiến hành điều tra, xác minh sự việc nhà bà C bị trộm cắp tiền nên đến sáng ngày 04/12/2025, D đến Công an xã G đầu thú, khai nhận về hành vi trộm cắp tiền vào chiều ngày 02/12/2025 tại gia đình nhà bà C, ông M.

Cơ quan CSĐT Công an thành phố H đã quản lý những tài sản, đồ vật sau:

- Bà Nguyễn Thị M1 tự nguyện giao nộp số tiền 321.000 đồng, gồm: 18 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng; 09 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng và 118 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng. Bà M1 nhặt được ở khu vực khe tường nhà bà M1 và nhà bà C và khu vực cửa chuồng lợn nhà bà M1 vào chiều tối ngày 02/12/2025.

- Cháu Nguyễn Kiều T1 tự nguyện giao nộp: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 Pro Max; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu IPHONE 15 Pro Max và số tiền 33.397.000đồng, gồm: 89 tờ tiền mệnh giá 200.000đồng, thành tiền: 17.800.000đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng; 122 tờ tiền mệnh giá 50.000đồng, thành tiền: 6.100.000đồng; 424 tờ tiền mệnh giá 20.000đồng, thành tiền: 8.480.000đồng; 80 tờ tiền mệnh giá 10.000đồng, thành tiền: 800.000đồng; 117 tờ tiền mệnh giá 1.000đồng, thành tiền: 117.000đồng.

- Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Trung D, thu giữ:

+ Tại vị trí nền nhà gần cửa bếp của gia đình D 01 con dao bằng kim loại màu đen, dạng dao rựa, dài 17cm, lưỡi dao chỗ rộng nhất là 05cm, chỗ dày nhất là 01cm, phần chuôi dao và đầu lưỡi dao đã bị gẫy;

+ Tại vị trí để đồ ngoài hành lang gần của phụ nhà ở của D: 01 chiếc búa có cán gỗ màu vàng dài 30cm, phần đầu búa bằng kim loại màu đen dài 14cm, một đầu là mặt phẳng kích thước 03x04cm, đầu còn lại dạng mỏ nhọn, dẹt, tách sang hai bên, bị cong vênh, dài 06cm;

+ Trong bao tải dứa ở chuồng lợn cũ bỏ hoang của gia đình D: 01 túi nilon màu xanh có phần miệng túi được buộc lại bằng hai quai xách, thành túi bị rách rộng.

- Khám nghiệm hiện trường tại phòng ngủ của vợ chồng bà C và khu vực xung quanh, thu giữ:

+ 01 két sắt hiệu Việt Đức, kích thước 0,40x0,53x0,80m, mặt cánh két sắt có nhiều vết cậy phá bị cong vênh, biến dạng, một số mảnh dạng bê tông bị vỡ;

+ Tại nền nhà, gần chân két sắt: 01 miếng kim loại màu đen, kích thước 04x07cm *(phần đầu lưỡi dao rựa bị gẫy)* và 01 chiếc áo len màu trắng, ghi, đen;

+ Tại cửa sổ phòng ngủ: 01 đoạn song cửa sổ bằng gỗ hình trụ tròn màu nâu kích thước 52x3,5cm;

+ Tại vị trí đất trống giữa tường nhà bà C và bà H3, cách cửa sổ khoảng 03m: 01 lưỡi cưa bằng kim loại, kích thước 31,5x02cm.

- Anh Phạm Văn H4 tự nguyện giao nộp số tiền 33.100.000 đồng là tiền D bỏ ra để mua điện thoại của anh H4 vào chiều ngày 02/12/2025.

- Anh Nguyễn Biên C1 tự nguyện giao nộp số tiền 500.000đồng do D trả nợ vào chiều ngày 02/12/2025.

- Ông Nguyễn Văn T tự nguyện nộp số tiền 6.000.000đồng để khắc phục hậu quả.

Tại Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 30/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã G, kết luận:

- 01 chiếc két sắt đã qua sử dụng, nhãn hiệu Việt Đ loại khóa cơ, kích thước 80x53x40cm tại thời điểm tháng 12/2025 trị giá là 700.000đồng (Bảy trăm nghìn đồng);

- 01 song cửa sổ gỗ lim Nam Phi đã qua sử dụng, hình trụ tròn, kích thước 120x3,5cm tại thời điểm tháng 12/2025 trị giá là 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng);

- 01 con dao rựa bằng kim loại đã qua sử dụng bị gẫy phần chuôi dao, dài 24cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 05cm, phần dày nhất của lưỡi dao là 01cm (phần đầu lưỡi dao đã bị gẫy có kích thước 07x04cm) tại thời điểm tháng 12/2025 trị giá là 4.000đồng (Bốn nghìn đồng).

Tại Bản cáo trạng số 21/CT-VKSKV11, ngày 22 tháng 01 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Hải Phòng truy tố ra trước Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng để xét xử bị cáo Nguyễn Trung D về tội "Trộm cắp tài sản"; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung D phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo từ 33 (ba mươi ba) tháng tù đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày

04/12/2025. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Không phải xử lý. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên, thừa nhận việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng đối với bị cáo là đúng và bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt. Người bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra thể hiện tại bản tự khai, biên bản làm việc, biên bản hỏi cung, biên bản hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 02/12/2025, tại nơi ở của vợ chồng bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1984, ở thôn Q, xã G, thành phố Hải Phòng, lợi dụng gia đình bà C không có ai ở nhà, Nguyễn Trung D đã có hành vi dùng cưa bằng kim loại cưa gãy song gỗ cửa sổ, trèo vào trong phòng ngủ của vợ chồng bà C, dùng búa, dao rựa, cậy phá két sắt, chiếm đoạt tổng số tiền 73.318.000 đồng *(Bảy mươi ba triệu ba trăm mười tám nghìn đồng).*

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân, mong muốn chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi chiếm đoạt chiếm đoạt tổng số tiền 73.318.000 đồng *(Bảy mươi ba triệu ba trăm mười tám nghìn đồng)* của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an xã hội, gây tâm lý bất bình cho người dân nên cần phải bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Nhưng bị cáo là người có nhân thân không tốt, bị cáo đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng vào tháng 02/2025 đến tháng 12/2025 bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Điều đó cho thấy, bị cáo chưa ý thức chấp hành pháp luật. Tuy nhiên, xét quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn

hối cải; vận động gia đình khắc phục một phần thiệt hại, bản thân bị cáo có đóng góp cho địa phương, bị cáo đầu thú, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Song, vẫn cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo với xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu thập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thành phố H đã ra Quyết định xử lý vật chứng đối với toàn bộ đồ vật, tài sản được quản lý, thu giữ bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, cụ thể: trả lại cho gia đình bà Nguyễn Thị C số tiền 73.318.000 đồng (Bảy mươi ba triệu ba trăm mười tám nghìn đồng); 01 chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Đức; 01 chiếc áo len màu trắng, ghi, đen; 01 đoạn song cửa sổ bằng gỗ hình trụ tròn màu nâu; 01 túi nilon màu xanh; Trả lại cho anh Phan Văn H2 02 chiếc điện thoại di động cùng 01 bộ cáp sạc; Trả lại cho ông Nguyễn Văn T: 01 lưỡi cưa; 01 con dao rựa bị gẫy phần chuôi dao; 01 chiếc búa có cán gỗ màu vàng. Gia đình bà C, anh H2, ông T đã nhận tài sản, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, xử lý.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bà C, anh H2, ông T sau khi nhận lại tiền và tài sản đều không có ý kiến gì và không đề nghị bị can D phải bồi thường gì liên quan đến trách nhiệm dân sự và tài sản bị hư hỏng. Đối với ông T đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị cáo số tiền 6.000.000đồng, ông T tự nguyện cho bị cáo số tiền này, không yêu cầu bị cáo phải trả lại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Đối với cháu Nguyễn Kiều T1, anh Phan Văn H2, anh Nguyễn Biên C1 đều không biết số tiền, tài sản mà D đã gửi nhờ giữ hộ, mua, sử dụng để trả nợ là tiền do trộm cắp có được nên không đặt vấn đề xử lý.

[10] Đối với ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H5 không biết việc D trộm cắp tiền, cũng không biết việc D sử dụng các vật dụng là dao, búa, lưỡi cưa của gia đình làm công cụ để thực hiện hành vi trộm cắp và sử dụng xe máy của gia đình đi tiêu thụ tài sản đã trộm cắp được nên không đặt vấn đề xử lý là phù hợp.

[11] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, … và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trung D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung D 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/12/2025.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Trung D phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng.
- VKSND TP. Hải Phòng;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an TP. Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Hải Phòng.
- VKSND khu vực 11 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự TP. Hải Phòng;
- Cơ quan THA hình sự Công an TP. Hải Phòng;
- Trại tạm giam số 2, Công an TP. Hải Phòng;
- Bị cáo; Người bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lưu hồ sơ; Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Mỹ Như